

Hồi ký Lao tù
Chủ đề: Giáng Sinh
Tác giả: Vương Mộng Long



Noël ở Cẩm Nhân



Tháng 7/1976 tàu Sông Hương cập bến Hải Phòng. Chúng tôi, khoảng ba ngàn tù cải tạo, cựu sĩ quan của QLVNCH, được chuyển lên tạm nghỉ một ngày ở Sáu-Kho. Trong chuyến đi này, đội ngũ hành khách tù binh đã hao hụt mất hai người. Một người bị trượt chân, rớt từ sàn tàu xuống nước chìm luôn ở Tân Cảng, Sài Gòn đêm khởi hành. Người thứ nhì chết trên tàu giữa biển khơi.



Trước đây, trong tháng 6/1976, cũng đã có vài chuyến tàu chuyển tù, ghé bên Sáu-Kho. Nhưng trí tò mò của dân địa phương, nhất là những đứa trẻ con, vẫn bị lôi cuốn bởi hình ảnh khác thường của đoàn hành khách mới tới. Người từ phương Nam ra, đi từng cặp một, tay trái của người đi bên phải, cồng với tay phải của người đi bên trái. Mọi người vai mang nặng, đa số đều mặt mày buồn rầu, xanh xao, thân hình gầy ốm, tong teo. Họ nối đuôi nhau đi thành hàng im lặng, cúi đầu không nhìn ai. Hai bên đường họ di chuyển là những họng súng AK với lưỡi lê tuốt trần. An ninh thật là nghiêm ngặt.

Đoàn tù được lùa vào khu đất rộng, có sáu cái nhà vòm dài và cao bằng tôle.

Xung quanh khu nhà vòm này là bãi cỏ cháy khô, hôi thối, vì đây là bãi đại tiện lộ thiên, công cộng, của xóm dân cư lao động gần đó. Quanh đây, dày đặc hố bom B52 khổng lồ. Nước trong hố bom màu cà phê sữa lợt, mặt nước lác đác bèo tấm.

Sau khi được cởi khóa cái cồng, tôi gởi ba-lô cho anh bạn tù Ngô Văn Niếu giữ giùm. Tôi lang thang trên sân cỏ Sáu-Kho, rồi tạt vào căn nhà vòm của những tù binh cấp úy. Vừa bước qua cửa đã có người nhận ra tôi rồi. Anh ta ôm chầm lấy tôi, xuýt xoa, “Thái Sơn! Anh còn sống ư? Độ đây! Em nghe đồn anh chết ngày ba mươi. Vậy mà anh còn đây. Ôi! mừng quá! Anh ngồi xuống đi!”

Anh Phạm Xuân Độ là đại úy sĩ quan chỉ huy hậu cứ của Liên Đoàn 23 Biệt Động Quân. Chúng tôi quen nhau lâu lắm rồi, từ ngày Độ mới từ Lực Lượng Đặc Biệt chuyển sang Biệt Động Quân.

Độ cầm tay tôi, cao giọng giới thiệu với bạn của anh ta,

“Đây là Thái Sơn, đàn anh của tớ. Xin giới thiệu với các bồ, để các bồ quen biết một đàn anh, đúng nghĩa một đàn anh.”

Nghe anh Độ quảng cáo ồn ào như thế, những người bạn của anh ta liền tỏ thiện cảm với tôi ngay. Họ kéo tôi ngồi xuống manh chiếu góc nhà. Họ mời tôi hút thuốc lào. Họ tíu tít hỏi tôi ở trại nào trong Nam? Tôi có quen, có gặp người này, người kia hay không?

Sau khi quân đội ta tan rã, nhiều cấp chỉ huy trở thành những cái bia hứng chịu phi nhò của người dưới. Tuy thế, cũng có nhiều cấp chỉ huy trở thành nổi luyến tiếc cho thuộc cấp, mỗi khi họ nói về kỷ niệm một thời đã qua. Cũng may, cái cung cách chỉ huy nghiêm khắc tại mặt trận và thân ái hòa đồng ở hậu cứ của tôi, không làm thuộc cấp ghét bỏ hay hận thù.

Vì thế mà hôm ấy, ở một nơi nghìn trùng xa Sài Gòn, vào cái thời buổi không còn gì nhục nhã hơn, thật khó tin còn có người lễ phép mời mình ngồi uống ly cà phê nấu bằng cơm cháy pha với đường thẻ, rồi cùng nhau ôn lại những kỷ niệm oanh liệt, vàng son.

Một người vừa sà xuống chiếu, nhìn tôi gật đầu chào thân thiện. Tôi vội vàng gật đầu chào lại. Người sĩ quan này da ngăm ngăm. Má anh ta có cái nốt ruồi bằng hạt đậu. Đáng anh ta quen quen... Tôi ngờ ngờ đã gặp anh ta ở đâu đó? Anh bạn mới, giọng Bắc trầm trầm, tự giới thiệu: “Tôi tên là Trần Gia Toàn, 'Toàn Thuốc Lào'. Tôi là em ruột của Trần Gia Toàn cùng khóa với anh. Tôi là bạn thân của Độ. Tôi có rất nhiều bạn Biệt Động Quân. Bạn tôi ai cũng thương anh và phục anh lắm. Tôi đã nghe tên anh nhiều lần. Nay có dịp gặp anh, thật là hân hạnh.”

Tôi chợt hiểu, thì ra anh ta là em ruột của Trần Gia Toàn, bạn cùng Khóa 20 Võ Bị của tôi. Anh em nhà này giống nhau quá, hèn nào tôi thấy anh ta trông quen quen. Những người tuổi trẻ thích nói thật, không vòng vo, quanh co. Hiểu nhau rồi thì chúng tôi dễ trở thành thân.

Từ hôm ấy tôi có thêm một số bạn. Những người bạn mới lấy mì gói ra, giấy bao mì gói trở thành củi, cái lon Guigoz trở thành nồi, vì cơm cháy trở thành cà phê. Bỗng nhiên, tôi thành người khách quý của nhóm bạn tù cấp úy trong góc một căn vòm Sáu-Kho hôm ấy.

Ăn mì xong, chúng tôi chuyền tay nhau cà phê com cháy. Uống cà phê mà không kèm theo khói thuốc thì không đúng “gu”. Anh em mời tôi hút thuốc lào. Khi biết tôi chưa tập hút được thuốc lào, thì chỉ nháy mắt sau tôi đã có một bao thuốc lá Sài Gòn Giải Phóng.

Qua trao đổi với họ, tôi được tin tức của vài sĩ quan cấp úy cùng đơn vị như chú Lý Ngọc Châu, chú Trần Cao Chánh, chú Nguyễn Ngọc Khoan... Tôi cũng có tin những bạn cũ đã chết vì vượt trại như Quách Hồng Quang và Lê Hữu Thịnh. Buổi chiều, chúng tôi bị lừa xuống các hố B52, nước màu cà phê sữa, để tắm rửa. Lúc lên bờ, đĩa đói còn bám từng chùm, lũng lảng trên vế trên đùi, chúng tôi giựt mãi chúng không chịu nhả ra. Sau khi được phát mỗi người một gói lương khô Trung Cộng, đoàn tù được lệnh chuẩn bị đội ngũ chờ xe lửa để lên đường. Nghe đâu, người ta sẽ đưa chúng tôi lên mạn ngược, vùng biên giới Trung Hoa, thuộc tỉnh Yên Bái, Thái Nguyên, Tuyên Quang...

Chuyến xe lửa Hải Phòng-Yên Bái khởi hành lúc nửa đêm. Chúng tôi được dồn lên những toa chở súc vật. Cứ bốn mươi người một toa, khóa trái bên ngoài. Diện tích của toa xe chỉ đủ chỗ cho chúng tôi ngồi hoặc đứng chứ không thể nằm. Mỗi toa có bốn cái cửa tò vò to bằng bàn tay xòe nơi bốn góc. Tôi chui vào chiếm một góc và thò mũi ra lỗ cửa tò vò để thở.

Ngồi kế tôi là Thiếu tá Hoàng Đình Mẫn nguyên Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 81 Biệt Động Quân. Thiếu tá Mẫn là vị tiểu đoàn trưởng già nhất của liên đoàn tôi. Ông Mẫn với tôi thương nhau như anh em. Xe chạy được khoảng một giờ thì không khí trong toa bắt đầu ngột ngạt. Lúc lên xe, trưởng đoàn vệ binh có chỉ định anh cựu đại úy tên là Thu làm trưởng toa. Từ đầu hôm, anh Thu chiếm cái góc có thùng phuy vệ sinh.

Giờ này, thùng cứt đái bắt đầu bốc mùi. Anh Thu bước tới góc cuối toa, và ra lệnh cho tôi nhường chỗ cho anh. Tôi chưa kịp phản ứng thì anh Thu đã dện một đạp vào mặt ông già Mẫn để dành cái cửa sổ. Lúc đó ông Mẫn đang ghé mũi vào cửa tò vò hít khí trời. Ông Mẫn vừa ôm mặt, vừa chửi rửa.

Anh Thu có dáng dấp của một võ sĩ. Anh không cao lắm nhưng rất “đô” con. Anh cởi áo và vắt những dòng mồ hôi vừa nóng vừa nồng trên đầu tôi vì lúc đó tôi ngồi dưới chân anh. Rồi anh ngồi xuống bên tôi, thò mũi ra lỗ tò vò. Mồ hôi của anh nồng kinh khủng. Tôi nhè nhẹ đẩy anh ra xa tôi một chút. Anh hậm hực, “Đù mạ! Lộn xộn ăn đòn à con! Mày nhỏ con, tao cho ngồi cạnh để đỡ choán chỗ. Biết điều thì ngồi êm! Cục cựa ông bẻ răng à!”

Anh Thu ngồi chồm hồm, nách anh choàng qua gáy tôi. Mùi hôi nách làm tôi tắc hơi. Tôi lách đầu cho mũi tôi ghé vào một góc cửa sổ. Tôi hít lấy, hít để, cái không khí thơm mùi đồng đồng, lúa mới ngoài kia. Chợt anh trưởng toa hẩy mạnh vai, mặt tôi đập vào thành xe nghe “kịch!” một cái, đau tới hoa cả mắt.

“Ê... ê... ê... anh này chơi ác quá vậy?”

Trong lúc quỳnh quáng, tôi quỵu lưởi, nói xàm như một đứa bé.

Chưa xong, hai bàn tay hộ pháp của tên du côn chẹt cổ tôi, tống tôi vào góc xe, “Ngồi im! Cục cựa ông bóp chết!”. Tôi chợt cảm thấy có cái gì đó úp nơi cổ. Mặt tôi nóng dần. Tay tôi run run. Tôi hít vào một hơi dài, rồi thở ra từ từ.

Tôi ra chiều ngồi êm, nhưng tay tôi mò tìm... mò tìm... Tôi tìm được nó rồi! Cái nĩa U.S bằng inox, tôi cài nó trong cái túi bên hông ba-lô...

Cú đâm quyết định bị trệch mục tiêu vì thế ngồi quá chặt. Cái nĩa đâm sượt mắt trái của anh võ sĩ, rạch một vết rách sâu trên trán anh. Tay trái tôi hất mạnh một cái cùi chõ ngay cằm anh.

Anh chưa kịp la lên thì cái nĩa đã nằm dưới yết hầu. Tôi ghì ngược cái nĩa bằng cả hai tay ngay yết hầu kẻ thù. Nhiều lần đánh lộn thời học sinh, cũng như trong chiến trận sau này, tôi đã áp dụng thành thạo những đòn cận chiến học từ tuổi lên mười ở Trung Tâm Huấn Luyện Nhảy Dù Chèm Vẽ (1951-1954). Hồi đó nhà tôi ở sát cạnh bãi tập thể chất của lính Nhảy Dù Liên Hiệp Pháp trước cổng Đông làng Vẽ. Ngày ngày chứng kiến tân binh học cận chiến, tôi thuộc nằm lòng những thế dao găm đâm ngang, đâm dọc, đâm ngược, đâm xuôi...

Hơn hai mươi năm sau, trong một góc toa xe chở súc vật, tôi phải xử dụng cái thế đâm ngược lợi hại này, với một cái nĩa, để hạ một đồng đội. Tôi chỉ cần nhấn mạnh thêm năm phân, rồi xoay hai tay theo chiều kim đồng hồ là cái yết hầu của thằng du côn sẽ bị móc ra khỏi cần cổ nó.

Tôi nghe tiếng, “Em lạy anh, tha cho em!”

Tôi loì tay, nhổ nước miếng vào mặt anh võ sĩ và nói nhỏ, “Cút về bên cái cầu tiêu của mày mà ngồi. Tên tao là Vương Mộng Long, tao đã từng là Tiểu đoàn trưởng Biệt Động Quân. Sau khi xuống ga, mày có thể tìm tao bất cứ lúc nào.”

Ông võ sĩ trưởng toa ôm trán đầy máu bò về hướng đầu toa, trả lại cái cửa tò vò cho mười anh tù ở cuối toa thay phiên nhau ló mũi ra để hít chút không khí mà sống.

Tàu đi ngang cầu Phú Lương-Hải Dương, tôi xin anh em cho tôi được ngồi lâu hơn một chút nơi cửa sổ để ngắm nhìn cây cầu tuổi thơ của tôi. Tôi đã đi qua cây cầu này bằng đôi

chân trần tuổi lên sáu, từ vùng “Tê” chạy giặc trở về thành phố Hải Dương đồ nát điêu tàn.

Trong trí nhớ non nớt của tôi chỉ còn: Cầu Phú Lương đồng nghĩa với cầu Đen. Cầu dài lắm, những cái vòm khổng lồ sơn đen, lính gác cầu cũng là lính Ma-rốc da đen. Tôi qua cầu một ngày cuối năm 1948.

Từ ấy tôi không còn thấy nó. Cho mãi tới đêm nay, tháng 7/1976 tôi mới có dịp qua cầu lần nữa. Hôm nay, cầu Phú Lương có vẻ đen hơn ngày xưa, vì tôi qua đó vào lúc nửa đêm, trời tối đen như mực.

Tôi nhìn cây cầu nơi chôn nhau cắt rốn từ cái cửa tò vò của một toa xe chở súc vật. Trong toa xe chở súc vật này là những sinh vật ưu tú của một dân tộc anh hùng. Những sinh vật ưu tú ấy đang bị chuyển hóa thành súc vật. Những con vật này đang tranh sống. Chúng đang giết lẫn nhau để sống.

Toa xe lao nhanh. Động cơ hơi nước phì phà “xình xịch!... xình xịch!...” Bánh sắt rít trên tà vẹt nghe “ken két!... ken két!” rợn người. Những thanh sắt vòm cầu loang loáng sát thành xe. Rồi tôi không nhìn được gì thêm, nước mắt đã rơi, nước mắt bốc thành hơi, đôi mắt cay...

Trời mờ sáng thì tàu đi ngang Vĩnh-Phúc-Yên, những hố bom B52 còn như rất tươi trên ruộng lúa, dọc hai bên đường tàu. Những đoạn đường sắt ở đây cũng thấy như mới được đắp vá. Không khí trong xe ngột ngạt hơn. Chúng tôi thay nhau cái lỗ tò vò với tốc độ mau hơn, quyền được thở giảm bớt. Người được thở tự đếm, “một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, hết!” rồi ngồi nhích sang một bên, nhường cho người kế tiếp.

Chúng tôi chia nhau từng giây không khí để sinh tồn. Đôi người đã khóc, đôi người vẫn cười. Giờ phút ấy có lẽ không ai còn nhớ đến vinh quang. Nơi góc cuối của một toa xe chở súc vật, mười sĩ quan QLVNCH chia sẻ nhục nhằn để sống.

Ba góc còn lại của toa xe không có cái trật tự tự nguyện này. Đã có chuyện không hay. Có ai đó nơi đầu toa bị ngộp thở. Tiếng người nói xôn xao, “Làm hô hấp cho anh ấy đi!”

Có tiếng la to, “Anh bộ đội ơi! Có người xỉu! Anh bộ đội ơi!”

Tàu vẫn chạy xình xịch, xình xịch... tiếng kêu cứu loảng trong không gian, không lời đáp lại.

Xé trưa hôm đó chúng tôi vào ga Yên Bái. Đang phiên thở hít của tôi, tôi nghe tiếng người gọi nhau, “Tù tới! Tù tới!”

Qua cửa sổ, tôi thấy ánh mắt tóe lửa của vài người dân đang vội vàng cúi lượm những viên đá xanh lót đường tà vẹt. Thấy không ổn, tôi thụt mũi vào trong toa. Tôi nói với Thiếu tá Trần Ngọc Báu, Trưởng Phòng 2 Tiểu Khu Pleiku là người kế phiên hít thở, “Đừng lộ mặt ra, dân nó ném đá đó!”

Anh Báu không tin. Vì tôi ngồi sát cửa với Báu, tôi nghe rõ tiếng reo, “Thằng Mỹ mày ơi!”

Rồi anh Báu ôm mặt. Mặt anh đầy máu! Một cục đá xanh đập vỡ mũi anh. Hình như hai cái răng cửa đã nhảy ra khỏi miệng anh. Khuôn mặt Tây lai của anh biến thành cái mặt nạ máu me bầy nhầy.

Cái cửa được bít lại ngay bởi cái thùng đựng đạn trung liên chứa nước của ông già TĐT/TĐ81/BĐQ. Đoàn xe lửa bị một trận mưa đá tấn công tới tấp. Cho tới khi vài viên đá lạc vào toa của vệ binh thì tôi nghe tiếng súng bắn chỉ thiên, tiếng đá chạm thành toa mới ngưng.

Đoàn xe ra khỏi ga chừng hai trăm mét thì ngừng bánh. Tù được lệnh xuống xe. Tôi là một trong những người đạp đất sớm nhất. Không đội mũ, đoàn tù bị lừa lên xe Zin chở về nơi nào đó đã định. Hai bên đường, có những người dân mặc trang phục Dao, Tày, Thái, Mán, Thổ, Mường... ngơ ngác trông theo.

Tới một ngã ba, cứ một xe rẽ về trái, thì xe kế tiếp rẽ về phải. Thì ra, đoàn tù được chia làm đôi, một nửa đi về đông bắc qua hồ Thác Bà, nửa còn lại qua sông Hồng đi về hướng tây. Chiếc xe chở tôi đi về hướng đông bắc. Anh bạn cùng khóa, cùng binh chủng, Ngô Văn Niếu cũng ngồi trên cùng một xe với tôi.

Đoàn 776 không đủ phương tiện đưa hết đoàn tù đi trong ngày. Chúng tôi được chia ra thành nhiều đợt lên ca nô vượt hồ. Toán của tôi là toán chót, lên ca nô sau toán đầu hai ngày, hai đêm.

Hồ Thác Bà rộng lắm, mỗi chiều cả chục cây số. Ca nô đưa chúng tôi đi ngược lên đầu nguồn sông Chảy, lướt chậm trên di tích của một thung lũng cổ. Trong đám đợt cây khô giữa làn nước trắng, một gác chuông thánh giá đứng lẻ loi, phần dưới của nhà thờ chìm trong nước. Nắng mai từ đỉnh núi hướng đông chiếu xuống mặt hồ, làm cho những đợt sóng lăn tăn lấp lánh như dát bạc...

Chúng tôi đến cuối hồ Thác Bà, hạ trại nơi không xa một xã người Tày. Xã đó tên là Cẩm Nhân. Xã thuộc huyện Yên Bình, Yên Bái, tỉnh Hoàng Liên Sơn, cách biên giới Việt-

Trung gần 50km. Bên bờ hồ, nơi một bãi lau sậy được đặt tên là Trại 3 Liên Trại 4, tôi và anh bạn TĐT/BĐQ Ngô Văn Niều nằm cạnh nhau.

Lán trưởng của tôi lại là anh đại úy tên Thu đã có lần tôi gặp cách đó hai ngày, trên chuyến xe lửa Hải Phòng-Yên Bái. Anh nhìn tôi như kẻ lạ, như chưa từng thấy nhau. Nhìn cái băng trên trán anh tôi nghĩ anh thật là chóng quên.

Tối đầu tiên ở đây, anh Nguyễn Tuyên Thùy (K10VB) cho tôi biết một tin buồn: Có ông thiếu tá được sĩ tên là Duy vừa uống thuốc tự tử. Dược Sĩ Duy được bó chiếu chôn bên cạnh hồ. Như vậy, trong Nam, gia đình anh Duy sẽ là những người đầu tiên biết chồng con họ đang ở đâu.

Anh Nguyễn Tuyên Thùy đến đây từ tháng trước. Anh còn nói rằng, “Nghe đâu, có vài ba người chết ngộp trên chuyến xe lửa từ Vinh ra Yên Bái hồi tháng trước...” Anh nói chuyện người chết, người sống nghe nhẹ như không. Mà thực vậy, lúc này sinh mạng một người tù thua trận nhẹ như không...

Sáng hôm sau anh Thu tập họp đồng đội trước lán để truyền lại nội quy của trại cho những người mới tới. Anh phân tích rõ tội nào sẽ bị hình phạt gì. Những tội cải thiện linh tinh sẽ bị cảnh cáo, cúp phần ăn. Tội phát ngôn bừa bãi có thể bị cùm, bỏ đói... Tội vượt trại có thể bị xử bắn...vân vân. Anh cảnh cáo rằng nếu ai đụng vào chai dầu lửa treo ở đầu giường anh thì sẽ biết tay anh.

Tôi đi quanh trại, la cà trò chuyện cùng vài người quen. Những vị này, thời chiến tranh Đông Dương, đã có dịp qua đây, như Trung tá Nguyễn Hữu Phú cựu tham mưu trưởng BCH/BĐQ/QLVNCH, Thiếu tá Hoàng Đình Mẫn Tiểu Đoàn Trưởng TĐ81/BĐQ, Thiếu tá Bùi Ngọc Long Tiểu Đoàn Trưởng Địa Phương Quân Tiểu Khu Quảng Đức, Thiếu tá Nguyễn Tuyên Thùy TCCTCT/TTM.

Nhưng những đàn anh lớn tuổi này cứ duỗi ra mỗi khi tôi hỏi họ về địa thế, dân tình quanh khu Thác Bà. “Đường xa diệu vợi lắm! Đừng dại mà trốn trại! Mất mạng đó em ơi!” tôi cứ nghe các anh ấy can ngăn như thế mỗi khi tôi tỏ ý muốn... đi. Cuối cùng tôi gặp Đặng Quốc Trụ, người bạn cùng khóa, anh ta đã từng là tiểu đoàn trưởng của Trung Đoàn 48/SĐ18 Bộ Binh. Nghe tôi ngỏ ý tìm bạn đồng hành để đi Lào, anh Đặng Quốc Trụ hưởng ứng ngay...

Chúng tôi chưa biết rõ xã Cẩm Nhân nằm ở nơi nào trên bản đồ Việt Nam thì toán trốn trại đầu đã nhổ neo. Bốn đại úy gồm một ông ở Tổng Thống Phủ và ba ông pilots. Đi được ba ngày thì bốn Papillons bị bắt lại. Tòa án giữa đồng được thiết lập. Không có lời buộc tội nào từ phía cai tù, mà chỉ có quân ta kết tội lẫn nhau.

Nghiêm khắc nhất là một cải tạo viên, nguyên là phi công trực thăng, đã đề nghị xử bắn những người đi trốn để anh ta được yên tâm cải tạo (!)

Vài người nữa lên phát biểu ý kiến xin trại phạt nặng những kẻ vô kỷ luật để làm gương cho những kẻ khác. Ban chỉ huy trại cũng không ý kiến. Tòa giải tán. Không ai dám hé răng bàn tán về những gì đã xảy ra. Bốn anh trốn trại bị cùm trên đồi, gần ban chỉ huy trại.

Hai ngày sau, toán trốn trại thứ hai ra đi. Toán này gồm có hai người và được coi là có “kí lô”. Họ là Đại úy Biệt Kích Trần Trung Ginh và Đại úy Nhảy Dù Tôn Thất Ủy (Ủy là tùy viên của Tướng Lương, Tư Lệnh SĐ Dù/QLVNCH).

Sau khi phát giác có thêm một vụ trốn trại nữa, cán bộ Chính Trị Trại 3 tập hợp tất cả chúng tôi lại, răn đe, “Các anh sẽ phải trả giá. Không ai thoát khỏi mạng lưới của nhân dân. Cứ trốn đi! Tôi thách các anh đấy!”

Giữa đêm đó Vương Mộng Long và Đặng Quốc Trụ khăn gói lên núi. Cái bật lửa của bác BÐQ già Hoàng Đình Mẫn nằm trong hành trang của tôi, và chai dầu lửa của anh đội trưởng tên Thu cũng nằm trong hành trang của tôi. Vài ngày sau khi tôi và Trụ vượt trại, Trại 3 Liên Trại 4 bị giải tán, tù nhân được chia cho các trại 5, 7, 9 kế bên. Một đoàn tù từ bên hướng tây sông Hồng được đưa về đây xây Trại 3 mới.

Cái đêm 08/08/1976 tôi và Đặng Quốc Trụ trốn trại lần đầu là một đêm mưa, khởi đầu trận bão số 6 khốc liệt. Trận bão này gây nên mưa gió kéo dài hơn một tuần lễ. Mười ngày sau chúng tôi bị mất hướng, luẩn quẩn trong rừng tre, rồi bị vây bắt lại.

Tên Việt Cộng chấp cung tôi đã thẩm vấn tôi câu đầu, “Có phải anh Thu cho anh chai dầu lửa để anh đi trốn hay không?”

Tôi “thành khẩn” khai báo, “Thưa cán bộ không ạ! Tôi ăn trộm nó khi anh đội trưởng còn ngủ.”

Tên cán bộ ngạc nhiên lắm lắm, “Lạ nhỉ? Vậy là anh Thu bị phạt oan, nhưng không hiểu tại sao anh ấy không tự biện bạch?”

Từ đêm chui rào khỏi Trại 3, tôi không có dịp gặp lại anh Thu, không rõ đã có hậu quả gì đến cho anh sau khi tôi đi.

Tôi và Trụ được đưa về nhốt ở Trại 4 Liên Trại 4. Tại đây đã có 2 “đồng bọn” đang nằm cùm, đó là Trần trung Ginh và Tôn Thất Ủy. Cuối năm ấy tụi tôi được tha ra khỏi cùm để về đội lao động. Nhiều dân trốn trại đã được qui tụ về đây trước đó. Trong số ấy có một

bằng Võ Bị, gồm Trần Tấn Hòa (Dù K20), Nguyễn Văn Nghiêm (Dù K20), Trần Đăng Khôi (Dù K16), Hồ Văn Hòa (BĐQ K16), Chu Trí Lê (SĐ23 K16), Trần Anh Đăng Quốc Trụ được đưa về Đội 10 dưới quyền đội trưởng Lâm Kỳ Sáng (cựu trung tá), tôi về Đội 11 dưới quyền Đặng Kim Bảng (cựu đại úy). Vừa chui vào lán, tôi đã nghe giọng Bắc Kỳ quen, “Mừng đại ca, đại ca có nhận ra em không?”

Dù lúc đó là buổi chiều mùa đông, trong lán tranh tối tranh sáng, tôi vẫn nhận ra ngay Toàn Thuốc Lào. “Quên sao được hả chú! Mới tháng trước đây, chúng mình chia tay nhau ở Sáu-Kho...”

Ngay lúc ấy người đội trưởng bước vào, anh ta nói tôi sẽ được cử đi gánh gạo tiếp tế chiều nay cùng với đội ở bên Cẩm Nhân. Sau nhiều ngày nằm cùm, mới đi được hai cây số đường đồi tới chợ Cẩm Nhân, chân tôi đã muốn rã ra rồi. Đến Hợp Tác Xã Nông Nghiệp tôi gặp hai anh bạn cùng khóa là Nguyễn Xuân Hoà và Minh Vô, mừng mừng tủi tủi, hai anh này ở trại khác, cũng đi gánh gạo chiều nay.

Bên kia đường, có một người vừa đưa tay vẫy tôi. Tôi tìm trong óc xem có phải anh ta cùng khóa với mình không? Không! Hóa ra đó là anh Thu! Thấy anh, tôi nhớ chuyến tàu hôm nào từ Hải Phòng đi Yên Bái. Tôi nhớ ra chai dầu lửa anh cố tình treo trên lối ra vào của lán tù Trại 3. Đêm vượt trại, chỉ cần dơ tay, tôi đã nâng được chai dầu một cách nhẹ nhàng. Tôi định đưa tay vẫy lại cái vẫy tay của anh Thu, thì đoàn tù gánh gạo ấy đã đi xa rồi. Hôm đó, tiêu chuẩn chung của trại, trọng lượng cân đo, đúng 150kg cho một chuyến hai người. Toàn cao hơn tôi, Toàn đi sau, tôi đi trước.

Chúng tôi phải hò “Dô ta!” để lấy đà đứng lên. Toàn hò “Dô... ta!” rồi, nhưng Toàn không đứng lên. Toàn cúi xuống lượm cái gì đó.

Tôi hỏi, “Sao không đi Toàn?”

Toàn cười, “Em có quà cho đại ca.”

Anh ngược mắt lên, vui sướng đưa cho tôi cục kẹo đường đen, “Em lượm được cục kẹo, anh ăn cho hồi sức đã mất trong nhà cùm.”

Tôi cảm động, nhận cục kẹo đường đen to bằng đầu ngón tay út.

Toàn cười, “Anh có nhớ hôm nay là Noël đó không?”

Tôi cắn cục kẹo làm hai, đưa cho Toàn một nửa, “Merry Christmas!”

Thấm thoắt đã mấy chục năm đi qua. Tôi thấy buồn khi nhìn Noël trở lại. Tôi thấy buồn khi nhớ ra, bây giờ tôi không còn sức để gánh chung cùng bạn một gánh gạo nặng 150kg trên đoạn đường đồi dài 2km nữa rồi!

Noël nào tôi cũng nhớ tới buổi chiều đi gánh gạo, nhớ cái vẫy tay của anh Thu, nhớ chai dầu lửa, nhớ cục kẹo đường đen ở Cẩm Nhân, và nhớ Trần Gia Toàn cùng những người bạn tù thuở ấy...

Vương Mộng Long, K20/VBQGĐL
(Seattle, Noël 2004)



Nguồn: Internet E-mail by Tran Marie chuyển
http://hon-viet.co.uk/VuongMongLong_NoelOCamNhan.htm

Đăng ngày Thứ Sáu, December 15, 2017
Ban Kỹ Thuật Khóa 10A-72/SQTB/ĐĐ, ĐĐ11/TĐ1ND, QLVNCH